|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2021/NQ-HĐND | *Quảng Trị, ngày tháng năm 2021* |

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Quảng Trị**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ …**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ngày 18/6/2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Quyết định số …/2021/QĐ-TTg ngày … tháng … năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Xét Tờ trình số …. /TTr-UBND ngày …/…/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra số …. /BC-KTNS ngày …/…/2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; Ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này “Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Quảng Trị”.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình, có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Quảng Trị khóa VIII, kỳ họp thứ … thông qua ngày …/…/2021; có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ; - Bộ Tài chính; - Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp; - TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMT TQVN tỉnh; - Văn phòng: Tỉnh ủy, ĐĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;  - Các Ban HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;  - Các cơ quan Trương đóng trên địa bàn tỉnh; - Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; - TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã; - TT HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn; - Công báo, Đài PTTH tỉnh và Báo Quảng Trị; - Cổng thông tin điện tử HĐND, UBND tỉnh; - Lưu: VT. | **CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Đăng Quang** |

|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**DỰ THẢO**

**Lần 1**

**QUY ĐỊNH**

**Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên**

**ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Quảng Trị**

*(Ban hành Kèm theo Nghị quyết số …/2021/NQ-HĐND ngày …/…/2021 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương áp dụng cho năm ngân sách 2022 và ổn định đến năm 2025 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng

a) UBND tỉnh; các Sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị dự toán cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố, thị xã; UBND các xã, phường, thị trấn.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương.

**Điều 2. Nguyên tắc phân bổ định mức chi thường xuyên ngân sách**

1. Định mức chi thường xuyên ngân sách quy định tại Nghị quyết này là cơ sở để xây dựng dự toán chi ngân sách của từng cơ quan, đơn vị; dự toán chi ngân sách của các huyện, thành phố, thị xã (bao gồm cấp huyện và cấp xã).

2. Phù hợp theo phân cấp quản lý ngân sách, khả năng cân đối ngân sách năm 2022 và cả giai đoạn ổn định mới, đảm bảo kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách hiện hành. Từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, phấn đấu giảm dần tỷ lệ chi thường xuyên, góp phần cơ cấu lại thu, chi ngân sách, sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, xã, tinh giản biên chế, thực hiện cải cách tiền lương và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng Sở, ban, ngành và địa phương.

3. Định mức chi hoạt động thường xuyên (chi khác) tính theo biên chế được giao không bao gồm quỹ tiền lương, tiền công, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương. Chỉ xây dựng định mức chi khác (chi hoạt động có tính chất thường xuyên) của một biên chế giao cho từng loại hình cơ quan, đơn vị (biên chế Quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể; biên chế sự nghiệp và Hội đặc thù); định mức này đã bao gồm chi khác của lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

Quỹ tiền lương, tiền công, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của từng cơ quan, đơn vị và các huyện, thành phố, thị xã theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP) với mức lương cơ sở theo quy định hiện hành. Hàng năm, cơ quan Tài chính sẽ phối hợp với các đơn vị, địa phương xác định tổng kinh phí, tổng hợp chung vào dự toán của từng đơn vị, từng huyện, thành phố, thị xã (Đối với số biên chế, số người làm việc và hợp đồng lao động được cấp có thẩm quyền giao chưa có mặt chênh lệch giữa biên chế được giao và biên chế có mặt: Tính dự toán tiền lương bằng mức lương chuyên viên bậc 1).

4. Tiêu chí phân bổ định mức rõ ràng, đơn giản, đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch, cải tiến và bổ sung các tiêu chí với một số lĩnh vực chi phù hợp với đặc thù của lĩnh vực, từng vùng, từng địa phương. Đảm bảo các chỉ tiêu pháp lệnh Trung ương giao cho địa phương hàng năm như chi sự nghiệp giáo dục đào tạo, sự nghiệp môi trường, sự nghiệp khoa học.

5. Kế thừa các kết quả đạt được, khắc phục hạn chế của hệ thống định mức năm 2017 đồng thời góp phần thúc đẩy thực hành tiết kiệm chống lãng phí, nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả NSNN; đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công để giảm mức hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách cho đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Sở Nội vụ có trách nhiệm thống nhất với Sở Tài chính về chỉ tiêu biên chế của các ngành, các cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao làm cơ sở xây dựng dự toán NSNN năm kế hoạch trước ngày 20/7 năm hiện hành.

7. Các đơn vị sự nghiệp công lập:

- Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 phân bổ cho các đơn vị sự nghiệp công lập phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Tăng cường tính tự chủ của các đơn vị sự nghiệp, giảm dần mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp phù hợp với lộ trình điều chỉnh giá, phí sự nghiệp công lập.

- Ngân sách nhà nước không hỗ trợ đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên (trừ kinh phí đối với nhiệm vụ do Nhà nước đặt hàng, đấu thầu hoặc giao nhiệm vụ theo quy định).

- Định mức phân bổ theo Quy định này là khoản ngân sách đảm bảo đối với các đơn vị được ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên 100%. Tùy theo từng tính chất, đặc thù, nhiệm vụ hoạt động và khả năng thu từ hoạt động sự nghiệp theo quy định của từng đơn vị, sẽ được tính toán cụ thể đảm bảo cân đối chi ngân sách bằng định mức chung đối với từng loại hình đơn vị.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: Khuyến khích tăng dần mức độ tự chủ; từ năm 2022 thực hiện giảm chi hỗ trợ từ NSNN cho các đơn vị này 10%/năm (ngoài các khoản chi lương, chi có tính chất lương và chi cho con người). Cơ quan quản lý cấp trên thực hiện sắp xếp tổ chức lại hoặc giải thể các đơn vị sự nghiệp công hoạt động không hiệu quả theo quy định của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

**Chương II**

**ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ CHI THƯỜNG XUYÊN**

**NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022**

**Điều 3. Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể**

1. Cấp tỉnh

1.1. Định mức chi khác tính theo biên chế được giao:

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Định mức phân bổ** |
| - Dưới 10 biên chế | 22,8 triệu đồng/biên chế/năm |
| - Từ 10 đến dưới 20 biên chế | 22 triệu đồng/biên chế/năm |
| - Từ 20 đến dưới 30 biên chế | 21,2 triệu đồng/biên chế/năm |
| - Từ 30 biên chế | 20,6 triệu đồng/biên chế/năm |

a) Định mức phân bổ đã bao gồm:

- Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan: Khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị, tổng kết, đoàn ra, đoàn vào, văn phòng phẩm, điện nước, xăng dầu,...

- Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: Chi nghiệp vụ chuyên môn của các ngành, chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện công tác quản lý ngành, lĩnh vực; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; rà soát văn bản quy phạm pháp luật ...

- Các khoản chi mua sắm công cụ, dụng cụ; kinh phí sửa chữa thường xuyên tài sản.

b) Định mức phân bổ không bao gồm:

- Chi thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn đặc thù của từng ngành, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao; chi hoạt động của các Ban Chỉ đạo cấp tỉnh; chi xây dựng văn bản quy phạm pháp pháp luật.

- Chi thuê trụ sở; chi sửa chữa lớn; mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ hoạt động chung theo quy định.

- Các khoản chi đặc thù mang tính chất riêng biệt của từng đơn vị và các khoản phát sinh không thường xuyên khác.

1.2. Chi quản lý hành chính khác:

Theo khả năng cân đối ngân sách hàng năm, ngân sách tỉnh dành ra khoản kinh phí để thực hiện sửa chữa lớn tài sản, mua sắm … cho các đơn vị có nhu cầu; kinh phí hỗ trợ theo nhiệm vụ cho các cơ quan làm công tác tổng hợp; kinh phí đảm bảo các nhiệm vụ phát sinh đột xuất khác trong năm. Trên cơ sở nhu cầu phát sinh thực tế, UBND tỉnh quyết định phân bổ kinh phí cụ thể cho từng đơn vị, địa phương thực hiện.

1.3. Đối với chi đảm bảo hoạt động của cơ quan Đảng, HĐND, UBND tỉnh: Dự toán chi ngân sách được tính toán trên cơ sở cơ sở định mức; chế độ, tiêu chuẩn và các nhiệm vụ chi đặc thù của các cơ quan này.

1.4. Các tổ chức chính trị - xã hội: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh được áp dụng định mức phân bổ trên, trên cơ sở biên chế hiện có và các nhiệm vụ chi đặc thù của các cơ quan này để tính dự toán ngân sách.

1.5. Đối với các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp:

a) Được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật. Kinh phí hoạt động do các tổ chức này tự đảm bảo. Ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức này nếu có những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước theo các nguyên tắc sau đây:

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí đối với các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao.

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí để tổ chức Đại hội theo nhiệm kỳ được cấp có thẩm quyền đồng ý.

b) Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động cho các đơn vị được UBND tỉnh giao biên chế (Hội văn học nghệ thuật, Liên minh các hợp tác xã, Hội chữ thập đỏ, Hội đông y, Hội nhà báo, ….); hỗ trợ định mức chi khác tối đa bằng định mức chi của đơn vị sự nghiệp công lập được nhà nước đảm bảo kinh phí 100% chi thường xuyên; UBND tỉnh quyết định mức hỗ trợ từng năm phù hợp với khả năng ngân sách.

**2. Cấp huyện**

2.1. Định mức chi khác tính theo biên chế được giao:

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Định mức phân bổ** |
| - Các huyện đồng bằng | 14,4 triệu đồng/biên chế/năm |
| - Huyện Đakrông | 16,8 triệu đồng/biên chế/năm |
| - Huyện Hướng Hóa | 17,3 triệu đồng/biên chế/năm |
| - Huyện đảo Cồn Cỏ | 24 triệu đồng/biên chế/năm |

Định mức phân bổ không bao gồm các khoản chi đặc thù theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

2.2. Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng biên chế ít (từ 03 người trở xuống) thì định mức phân bổ được tính thêm 03 triệu đồng/biên chế/năm.

**3. Cấp xã**

3.1. Đối với cán bộ, công chức cấp xã: Định mức chi khác tính theo biên chế được giao: 10,4 triệu đồng/biên chế/năm.

3.2. Hỗ trợ kinh phí đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố thực hiện theo Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 21/04/2020 của HĐND tỉnh Quảng Trị.

3.3. Hỗ trợ kinh phí hoạt động:

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động Ủy ban Mặt trận TQVN cấp xã thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" theo quy định tại Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh Quảng Trị.

- Hoạt động Ban Thanh tra nhân dân: 05 triệu đồng/xã, phường, thị trấn.

- Kính phí giám sát đầu tư của cộng đồng: 05 triệu đồng/xã, phường, thị trấn.

3.4. Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp đối với đại biểu HĐND cấp xã; chế độ hỗ trợ đối với đại biểu HĐND cấp xã theo quy định hiện hành.

**4. Ngoài định mức trên, các huyện, thành phố, thị xã được phân bổ thêm kinh phí hoạt động**

4.1. Hoạt động của cấp ủy, HĐND, UBND cấp huyện, cấp xã (theo nhiệm kỳ, đã bao gồm kinh phí thực hiện một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của huyện, thành, thị ủy theo Quy định số 38-/QĐ-TU ngày 22/4/2020 của Tỉnh ủy Quảng Trị; chi hỗ trợ công tác đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đản và các quy định hiện hành; kinh phí phục vụ hoạt động của HĐND các cấp; chế độ thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do UBMTTQVN các cấp thực hiện):

4.1.1. Cấp huyện:

- Thành phố: 4.950 triệu đồng/năm.

- Huyện Đakrông, Hướng Hóa: 3.520 triệu đồng/năm.

- Huyện đảo: 2.200 triệu đồng/năm.

- Thị xã, huyện còn lại: 3.300 triệu đồng/năm.

4.1.2. Cấp xã:

a) Hoạt động của cấp ủy, UBND:

- Thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị: 165 triệu đồng/phường, xã/năm.

- Huyện Hướng Hóa, huyện Đakrông: 121 triệu đồng/xã, thị trấn/năm.

- Các huyện còn lại: 110 triệu đồng/xã, thị trấn/năm.

b) Hoạt động của HĐND cấp xã: 5,85 triệu đồng/đại biểu/năm.

4.2. Bổ sung thêm cho các huyện, thành phố, thị xã một phần để đảm bảo kinh phí hoạt động theo số lượng đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn, cụ thể:

- Số đơn vị hành chính cấp xã dưới 9 xã: 200 triệu đồng.

- Số đơn vị hành chính cấp xã từ 9-15 xã: 400 triệu đồng.

- Số đơn vị hành chính cấp xã trên 15 xã: 665 triệu đồng/huyện.

**Điều 4. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo**

**1. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục**

1.1. Định mức chi khác tính phân bổ cho Sở Giáo dục và Đào tạo, các huyện, thành phố, thị xã:

a) Căn cứ vào số biên chế được giao; phân bổ theo tỷ lệ giữa tổng quỹ tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương và chi khác để đảm bảo các hoạt động thường xuyên, cụ thể:

- Định mức phân bổ theo tỷ lệ giữa tổng quỹ tiền lương, chi hoạt động thường xuyên đảm bảo theo nguyên tắc: tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) tối đa 81% và tối thiểu 19% chi thường xuyên (chi khác) để chi hoạt động có tính chất thường xuyên cho công tác giảng dạy, học tập và các khoản chi mua sắm, sửa chữa nhỏ thường xuyên (chi khác theo lương cơ sở 1.490.000 đồng).

- Định mức chi khác gồm các nội dung chi nghiệp vụ chuyên môn của ngành giáo dục; chi hỗ trợ các trường đạt chuẩn quốc gia, chi duy trì công tác phổ cập giáo dục các cấp, chi hỗ trợ các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực của ngành, các khoản chi mua sắm, sửa chữa nhỏ thường xuyên.

- Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

- Mức kinh phí ngân sách cấp cho hoạt động được giao ổn định trong thời kỳ ổn định 2022-2025. Từng năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới, tùy theo khả năng cân đối ngân sách, HĐND tỉnh, UBND tỉnh thực hiện ưu tiên bố trí thêm ngân sách địa phương cho hoạt động giảng dạy và học tập; chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên.

- Tỷ lệ này chỉ áp dụng đối với năm 2022, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách mới giữa ngân sách tỉnh và ngân sách huyện, thành phố, thị xã; từng năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới, HĐND các huyện, thành phố, thị xã quyết định tăng tỷ lệ chi khác phù hợp với khả năng ngân sách và điều kiện thực tế của từng địa phương.

c) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Bảo đảm các chế độ, chính sách được xác định trên cơ sở số đối tượng năm 2021, số bố trí trong định mức của ngân sách Trung ương theo chế độ quy định gồm: Chính sách phát triển giáo dục mầm non; hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật; hỗ trợ học sinh phổ thông trung học vùng đặc biệt khó khăn; hỗ trợ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập; học bổng cho học sinh dân tộc nội trú.

- Chi thực hiện các chương trình, đề án theo Nghị quyết của HĐND tỉnh (ngoài kinh phí đã bố trí trong định mức): Mức cụ thể do UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định hàng năm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách.

1.2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục cấp xã (bao gồm hoạt động của Trung tâm hoạt động cộng đồng và chế độ phụ cấp của cán bộ làm công tác quản lý Trung tâm học tập cộng đồng):

- Thành phố Đông Hà: 60 triệu đồng/xã, phường/năm.

- Các huyện còn lại: 50 triệu đồng/xã, phường, thị trấn.

1.3. Ngoài mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục tại cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã như trên. Căn cứ khả năng cân đối, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí ngân sách tỉnh khoản kinh phí hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ chi sự nghiệp giáo dục phát sinh trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở nhu cầu phát sinh thực tế, UBND tỉnh quyết định phân bổ cụ thể cho từng đơn vị, địa phương thực hiện.

**2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo**

2.1. Cấp tỉnh:

a) Tiêu chí định mức phân bổ căn cứ vào số lượng học sinh, sinh viên hàng năm theo chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao cho từng hệ đào tạo (chỉ tiêu đào tạo do ngân sách nhà nước đảm bảo), cụ thể:

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Định mức phân bổ** |
| - Trường Cao đẳng Sư phạm: |  |
| + Hệ cao đẳng | 3,5 triệu đồng/sinh viên/năm |
| + Hệ trung cấp | 3,0 triệu đồng/sinh viên/năm |
| - Trường Cao đẳng Kỹ thuật: |  |
| + Hệ cao đẳng | 3,5 triệu đồng/sinh viên/năm |
| + Hệ trung cấp | 3,0 triệu đồng/sinh viên/năm |
| - Trường Cao đẳng Y tế: |  |
| + Hệ cao đẳng | 3,5 triệu đồng/sinh viên/năm |
| + Hệ trung cấp | 3,0 triệu đồng/sinh viên/năm |

- Định mức trên bao gồm chi phục vụ cho dạy và học tại các trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp do tỉnh quản lý.

- Đào tạo nghề căn cứ khả năng ngân sách, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, đề án được phê duyệt để bố trí ngân sách hàng năm.

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức: Hàng năm bố trí theo khả năng của ngân sách.

- Chương trình đào tạo cán bộ khác bố trí theo từng đề án được cấp thẩm quyền phê duyệt và ngân sách Trung ương bổ sung hàng năm.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: Bảo đảm các chế độ, chính sách được xác định trên cơ sở số đối tượng năm 2021, số bố trí trong định mức của ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương theo chế độ quy định.

2.2. Cấp huyện:

- Chi hoạt động bộ máy được áp dụng theo định mức quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này.

- Chi cho đào tạo và đào tạo lại: 583 triệu đồng/huyện, thị xã, thành phố.

**Điều 5. Phân bổ dự toán chi các đơn vị sự nghiệp công lập**

**1. Nguyên tắc phân bổ**

Thực hiện phân bổ chi thường xuyên năm 2022 cho các lĩnh vực sự nghiệp căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, định hướng đổi mới khu vực sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, các quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định của pháp luật về việc giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công. Trong đó:

- Ngân sách nhà nước giảm cấp chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công lập đối với các khoản chi đã được kết cấu vào giá dịch vụ theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ của từng lĩnh vực sự nghiệp công. Các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đẩy nhanh việc giao tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập, thúc đẩy việc tính giá dịch vụ sự nghiệp công theo đúng lộ trình đã đề ra.

- Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên.

**2. Định mức phân bổ chi bộ máy đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh**

- Chỉ áp dụng trong thời gian định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) chưa được cấp thẩm quyền ban hành, các đơn vị sự nghiệp công chưa áp dụng cơ chế giá dịch vụ. Trên cơ sở lộ trình triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, giao UBND tỉnh thực hiện phân bổ chi thường xuyên các đơn vị sự nghiệp công lập khi giao quyền tự chủ và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

- Các đơn vị sự nghiệp ngành y tế thuộc hệ điều trị, y tế tuyến xã; các trường cao đẳng và trung cấp không áp dụng định mức phân bổ chi bộ máy như quy định tại khoản 2 Điều 5 này.

- Định mức phân bổ chi bộ máy đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh:

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Định mức phân bổ** |
| - Dưới 10 biên chế | 16,8 triệu đồng/biên chế/năm |
| - Từ 10 đến dưới 20 biên chế | 16,1 triệu đồng/biên chế/năm |
| - Từ 20 đến dưới 30 biên chế | 15,4 triệu đồng/biên chế/năm |
| - Từ 30 biên chế | 14,9 triệu đồng/biên chế/năm |

**3. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế, văn hóa thông tin, phát thanh truyền hình, thể dục thể thao**

**3.1. Cấp tỉnh:**

3.1.1. Sự nghiệp y tế:

a) Định mức phân bổ chi bộ máy đơn vị sự nghiệp y tế hệ dự phòng, hệ dân số cấp huyện được áp dụng theo định mức phân bổ tại khoản 2 Điều 5 Quy định này và thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập trên nguyên tắc xác định tổng dự toán thu, chi của đơn vị theo chế độ.

b) Hỗ trợ chi hoạt động thường xuyên:

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Định mức phân bổ** |
| - Trung tâm Quân dân y huyện đảo Cồn Cỏ | 13 triệu đồng/giường bệnh/năm |
| - Y tế tuyến xã | 39 triệu đồng/trạm y tế/năm |

c) Kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng theo quy định của Luật Bảo  
hiểm y tế và theo quy định phân cấp quản lý ngân sách.

d) Chi thực hiện các chương trình, đề án theo Nghị quyết của HĐND tỉnh (ngoài kinh phí đã bố trí trong định mức); chi cho các hoạt động nghiệp vụ đặc thù: Mức cụ thể do UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định hàng năm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách.

3.1.2. Chi bộ máy của các đơn vị sự nghiệp còn lại (văn hóa thông tin, phát thanh truyền hình, thể dục thể thao):

Được áp dụng theo định mức phân bổ tại khoản 2 Điều 5 Quy định này và thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập trên nguyên tắc xác định tổng dự toán thu, chi của đơn vị theo chế độ.

3.2.3. Chi thực hiện chế độ đối với huấn luận viên, vận động viên trên cơ sở chính sách chế độ hiện hành và khả năng ngân sách.

3.2.4. Quy định khác:

- Mức kinh phí ngân sách bố trí chi thường xuyên hàng năm cho các đơn vị trên cơ sở yêu cầu các đơn vị phấn đấu nâng mức tự trang trải nhu cầu chi từ nguồn thu của mình để dành nguồn ưu tiên bố trí cho những đơn vị có nguồn thu hạn chế, hoạt động chủ yếu bằng nguồn ngân sách nhà nước;

- Kinh phí hoạt động sự nghiệp được tính toán căn cứ nhiệm vụ được giao, tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương được HĐND tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách tỉnh;

- Trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập các đơn vị sự nghiệp mới hoặc mở rộng quy mô, hoạt động: Căn cứ Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trên cơ sở quy mô, khả năng thu, mức chi và nhiệm vụ cụ thể của đơn vị, các cơ quan liên quan sẽ thảo luận để xác định kinh phí tăng thêm (trong kỳ thảo luận dự toán ngân sách hàng năm) để trình HĐND tỉnh quyết định.

- Các Sở chuyên ngành có trách nhiệm ban hành hệ thống định mức phân bổ chi ngân sách cho các đơn vị trực thuộc, đảm bảo phân bổ khớp đúng về tổng mức, phù hợp với đặc điểm thực tế và nguồn thu của các đơn vị trực thuộc, bảo đảm công khai, minh bạch và theo đúng các quy định của pháp luật.

**3.2. Cấp huyện, cấp xã:**

3.2.1. Định mức chi thường xuyên hoạt động bộ máy hành chính của các đơn vị hóa thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình do cấp huyện quản lý áp dụng mức quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này.

3.2.2. Riêng kinh phí sự nghiệp văn hóa thông tin, sự nghiệp thể dục thể thao, sự nghiệp phát thanh truyền hình, dân số được phân bổ theo định mức sau:

a) Sự nghiệp văn hóa thông tin:

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Định mức phân bổ** |
| **\* Cấp huyện:** |  |
| - Phân bổ theo địa bàn hành chính |  |
| + Thành phố | 413 triệu đồng/thành phố/năm |
| + Các huyện, thị xã | 330 triệu đồng/huyện, thị xã/năm |
| - Bổ sung cho đội thông tin lưu động |  |
| + Huyện miền núi | 165 triệu đồng/đội thông tin lưu động |
| + Huyện, thành phố, thị xã còn lại | 102 triệu đồng/đội thông tin lưu động |
| **\* Cấp xã:** |  |
| - Xã, thị trấn | 14,6 triệu đồng/xã, thị trấn/năm |
| - Phường | 17,6 triệu đồng/phường/năm |
| - Hỗ trợ Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”: | (bao gồm cả thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”) |
| + Khu dân cư có quy mô dân số dưới 700 hộ dân | 05 triệu đồng/năm/khu dân cư |
| Quy mô dân số cứ tăng thêm 200 hộ dân thì được hỗ trợ thêm | 01 triệu đồng/năm/khu dân cư |
| + Khu dân cư của các xã thuộc vùng khó khăn theo Quyết định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ có quy mô dân số dưới 700 hộ dân | 06 triệu đồng/năm/khu dân cư |
| Quy mô dân số cứ tăng thêm 200 hộ dân thì được hỗ trợ thêm | 01 triệu đồng/năm/khu dân cư |

Định mức phân bổ trên chưa bao gồm kinh phí cho các hoạt động văn hóa đặc thù, bảo tồn, bảo tàng vật thể, phi vật thể, hoạt động văn hóa dân gian.

b) Sự nghiệp thể dục thể thao:

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Định mức phân bổ** |
| **\* Cấp huyện:** |  |
| - Huyện, thành phố, thị xã | 220 triệu đồng/huyện, thành phố, thị xã/năm |
| - Huyện đảo Cồn Cỏ | 165 triệu đồng/huyện đảo/năm |
| **\* Cấp xã:** |  |
| - Xã, thị trấn | 11,7 triệu đồng/xã, thị trấn/năm |
| - Phường | 14,6 triệu đồng/phường/năm |

c) Sự nghiệp phát thanh truyền hình:

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Định mức phân bổ** |
| **\* Cấp huyện:** |  |
| - Phân bổ theo đơn vị đài huyện |  |
| + Hướng Hóa, Đakrông | 220 triệu đồng/huyện/năm |
| + Huyện đảo Cồn Cỏ | 220 triệu đồng/huyện/năm |
| + Các huyện còn lại | 146,3 triệu đồng/huyện/năm |
| - Phân bổ theo trạm phát lại vùng cao, hải đảo | 220 triệu đồng/huyện/năm |
| **\* Cấp xã** |  |
| - Hỗ trợ các hoạt động truyền thanh và các hoạt động thông tin khác cấp xã | 10 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm |

d) Hỗ trợ kinh phí hoạt động dân số:

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Định mức phân bổ** |
| - Hỗ trợ hoạt động dân số | 50 triệu đồng/huyện, thành phố, thị xã/năm |

**Điều 6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**

Căn cứ dự toán Trung ương giao, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định bố trí với mức tăng hợp lý so với dự toán chi năm trước đảm bảo nguyên tắc phân bổ không thấp hơn dự toán Chính phủ giao cho địa phương hàng năm.

**Điều 7. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội**

**1. Cấp tỉnh**

- Chi bộ máy của các đơn vị thuộc sự nghiệp đảm bảo xã hội được áp dụng định mức quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết này.

- Căn cứ vào các chế độ, chính sách, định mức của Trung ương, địa phương ban hành và khả năng của ngân sách địa phương để cân đối đảm bảo chi sự nghiệp đảm bảo xã hội của ngành Lao động, Thương binh và Xã hội.

**2. Cấp huyện**

2.1. Định mức phân bổ chi cho các hoạt động đảm bảo xã hội cấp huyện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Định mức phân bổ** |
| - Chi hoạt động cứu trợ xã hội |  |
| + Huyện đảo Cồn Cỏ | 110 triệu đồng/năm |
| + Các huyện, thành phố, thị xã còn lại | 440 triệu đồng/huyện/năm |
| - Chi hoạt động điều tra hộ nghèo, cung cầu lao động, ...: | 110 triệu đồng/huyện/năm |
| - Chi chăm sóc các nghĩa trang liệt sỹ cấp huyện | 39 triệu đồng/nghĩa trang liệt sỹ |

- Định mức chi hoạt động cứu trợ xã hội trên đã bao gồm các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa; hỗ trợ cộng đồng dân cư khắc phục hậu quả thiên tai, cứu trợ xã hội.

- Định mức trên chưa bao gồm chi hỗ trợ cơ sở vật chất cho các cơ sở hoạt động trong các lĩnh vực đặc thù như: Trung tâm Bảo trợ trẻ em tàn tật, khuyết tật, trẻ mồ côi; chi hỗ trợ khắc phục thiên tai trên diện rộng vượt quá khả năng cân đối của ngân sách huyện.

2.2. Định mức chi phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Kinh phí thực hiện trợ cấp thường xuyên, kinh phí hỗ trợ BHYT cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2020/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội.

- Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội.

**3. Cấp xã**

3.1. Định mức phân bổ chi cho các hoạt động đảm bảo xã hội cấp xã:

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Định mức phân bổ** |
| - Chi hoạt động cứu trợ xã hội | 20,8 triệu đồng/xã/năm |
| - Chi chăm sóc các nghĩa trang liệt sỹ xã, phường, thị trấn | 26 triệu đồng/nghĩa trang liệt sỹ |

3.2. Định mức chi phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Chi chế độ trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo quy định hiện hành (Quy định số 130-CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ; Quy định số 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng).

- Chi tặng quà, chúc thọ, mừng thọ đối với người cao tuổi trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 47/2020/NQ-HĐND ngày 23/07/2020 của HĐND tỉnh Quảng Trị.

**Điều 8. Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh**

**1. Cấp tỉnh**

Hàng năm căn cứ vào nhiệm vụ chi quốc phòng - an ninh của tỉnh, chế độ chính sách và khả năng cân đối ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ bố trí mức chi phù hợp trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định. Phạm vi hỗ trợ cho lĩnh vực quốc phòng - an ninh theo quy định Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và các văn bản hướng dẫn thi hành. Đồng thời bố trí kinh phí thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về hỗ trợ một số cơ chế cho các đơn vị Quân sự, Công an, Biên phòng.

**2. Cấp huyện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Định mức phân bổ** |
| **\* Chi quốc phòng:** |  |
| - Phân bổ theo địa bàn hành chính cấp xã, huyện đảo không có đơn vị hành chính cấp xã: |  |
| + Xã, thị trấn | 55 triệu đồng/xã, thị trấn/năm |
| + Phường | 110 triệu đồng/phường |
| + Huyện đảo Cồn Cỏ | 1.760 triệu đồng/huyện đảo/năm |
| - Phân bổ theo tính chất đặc thù: |  |
| + Huyện có xã biên giới | 65 triệu đồng/xã biên giới/năm |
| + Huyện, thị xã, thành phố có dưới 10 xã, phường, thị trấn | 330 triệu đồng/huyện, thị xã, thành phố |
| - Chi hoạt động của tiểu đội dân quân thường trực | 880 triệu đồng/ tiểu đội |
| - Chi hoạt động của trung đội dân quân biển | 110 triệu đồng/trung đội |
| **\* Chi an ninh:** |  |
| - Phân bổ theo địa bàn hành chính cấp xã, huyện đảo không có đơn vị hành chính cấp xã: |  |
| + Xã, thị trấn | 26,4 triệu đồng/xã, thị trấn/năm |
| + Phường | 99 triệu đồng/phường/năm |
| + Huyện đảo Cồn Cỏ | 660 triệu đồng |
| - Phân bổ theo tính chất đặc thù: |  |
| + Huyện có xã biên giới | 49 triệu đồng/xã biên giới/năm |
| + Huyện, thị xã, thành phố có dưới 10 xã, phường, thị trấn | 110 triệu đồng/huyện, thị xã, thành phố. |

**3. Cấp xã**

3.1. Định mức phân bổ chi cho các hoạt động quốc phòng, an ninh:

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Định mức phân bổ** |
| **\* Chi quốc phòng:** |  |
| - Phân bổ theo địa bàn hành chính cấp xã: |  |
| + Xã, thị trấn | 220 triệu đồng/xã, thị trấn/năm |
| + Phường | 275 triệu đồng/phường |
| - Phân bổ theo tính chất đặc thù: |  |
| + Đối với các xã biên giới giáp Lào được phân bổ thêm | 169 triệu đồng/xã/năm |
| **\* Chi an ninh:** |  |
| - Phân bổ theo địa bàn hành chính cấp xã: |  |
| + Xã, thị trấn | 28 triệu đồng/xã, thị trấn/năm |
| + Phường | 55 triệu đồng/phường/năm |
| - Phân bổ theo tính chất đặc thù: |  |
| + Đối với các xã biên giới giáp Lào được phân bổ thêm | 85 triệu đồng/xã |
| + Riêng thành phố Đông Hà bổ sung thêm | 400 triệu đồng/năm |

Định mức chi trên bao gồm cả mức chi tăng để thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, tăng chi triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo theo Luật Dân quân tự vệ (chưa bao gồm chế độ phụ cấp theo Luật Dân quân tự vệ).

3.2. Ngoài ra, phân bổ thêm kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp đối với lực lượng Bảo vệ dân phố theo Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND về mức phụ cấp đối với lực lượng Bảo vệ dân phố ở phường, thị trấn.

**Điều 9. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế**

**1. Cấp tỉnh**

- Đối với các đơn vị sự nghiệp có thu: Chi bộ máy của các đơn vị sự nghiệp kinh tế được áp dụng định mức tại tại khoản 2 Điều 5 Quy định này.

- Kinh phí thực hiện miễn thu thủy lợi phí, hỗ trợ bảo vệ phát triển đất trồng lúa bố trí bằng kinh phí Trung ương giao.

- Sở Tài chính phối hợp các Sở chủ quản căn cứ nhiệm vụ được giao, tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách tỉnh:

+ Đối với các đơn vị thực hiện khoán khối lượng công việc: Mức kinh phí ngân sách cấp chi thường xuyên được giao ổn định và xem xét điều chỉnh bổ sung trong các trường hợp được cấp có thẩm quyền giao tăng nhiệm vụ.

+ Đối với các đơn vị sự nghiệp khác: Mức kinh phí ngân sách cấp chi thường xuyên được xác định trên cơ sở nhiệm vụ được giao và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

**2. Cấp huyện**

a) Chi sự nghiệp kinh tế tăng 10% so dự toán chi sự nghiệp kinh tế (kinh phí hoạt động sự nghiệp) năm 2021. Định mức đã bao gồm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi theo quy định hiện hành (đã bao gồm hỗ trợ kinh phí lập, thẩm định, công bố và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước).

b) Ngoài ra, phân bổ thêm căn cứ trên tiêu chí đô thị như sau:

+ Đô thị loại III: 1.500 triệu đồng/đô thị.

+ Đô thị loại IV: 800 triệu đồng/đô thị.

+ Đô thị loại IV: 500 triệu đồng/đô thị.

**3. Cấp xã**

Hỗ trợ bình quân: 36,3 triệu đồng/xã, thị trấn/năm; 51,7 triệu đồng/phường/năm.

**Điều 10. Định mức phân bổ chi sự nghiệp môi trường**

Căn cứ dự toán Chính phủ, Bộ Tài chính giao hàng năm; UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định không thấp hơn định mức Trung ương giao, bao gồm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi theo quy định hiện hành. Sở Tài chính phối hợp các cơ quan, đơn vị căn cứ nhiệm vụ được giao, tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định trong phương án phân bổ dự toán ngân sách hàng năm. Trong đó:

Hỗ trợ chi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn xã, phường, thị trấn: 20 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm.

**Điều 11. Định mức phân bổ chi khác**

1. Phân bổ chi thường xuyên khác của ngân sách cấp tỉnh căn cứ khả năng  
nguồn ngân sách, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định.

2. Các cấp ngân sách địa phương: Phân bổ theo tỷ trọng bằng 0,5% tổng các khoản chi thường xuyên đã tính được theo mức phân bổ dự toán ngân sách (theo định mức phân bổ từ Điều 3 đến Điều 11 của Quy định này).

**Điều 12. Dự phòng ngân sách**

1. Tổng nguồn dự phòng NSĐP tối thiểu không thấp hơn tổng nguồn dự phòng Bộ Tài chính giao hàng năm (bố trí từ 2-4% tổng chi ngân sách các cấp).

2. Dự phòng ngân sách của từng huyện, thành phố, thị xã làm cơ sở tính định mức là 2% tổng chi cân đối NSĐP.

3. Căn cứ vào khả năng cân đối NSĐP và tình hình thực tế, các huyện, thành phố, thị xã chủ động bố trí dự phòng NSĐP đảm bảo theo quy định của Luật NSNN (tỷ lệ dự phòng ngân sách các cấp từ 2- 4% tổng chi ngân sách).

**Điều 13. Một số quy định khác**

1. Đối với các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và quản lý hành chính theo quy định tại Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ, định mức phân bổ trên là khoản ngân sách đảm bảo, đơn vị tự chủ động bố trí chi hợp lý, đúng chính sách, chế độ và thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ đã được đơn vị xây dựng theo quy định (trừ trường hợp chính sách chế độ thay đổi hoặc đơn vị được bổ sung nhiệm vụ mới).

2. Chi thực hiện các chính sách, đề án của tỉnh, đối ứng các chương trình mục tiêu theo quy định của Trung ương; bố trí kinh phí tăng thêm tăng cường cơ sở vật chất theo theo yêu cầu nhiệm vụ chi và theo khả năng ngân sách của từng cấp ngân sách.

3. Hằng năm trong thời kỳ ổn định ngân sách: Ngân sách tỉnh sẽ xem xét hỗ trợ thêm cho các huyện, thành phố, thị xã một phần kinh phí ngoài định mức tùy theo khả năng của ngân sách tỉnh để giảm bớt khó khăn cho các huyện, thành phố, thị xã.

4. Các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định, nếu có biến động về khả năng ngân sách và các chế độ quy định có liên quan làm ảnh hưởng đến việc thực hiện định mức, giao UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung định mức phân bổ dự toán ngân sách cho phù hợp./.

**CHỦ TỊCH**